

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HS-ST

Ngày: 30-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thành và ông Hoàng Văn Tứ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Long - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1980 tại thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị Th; có vợ là Hồ Thị Xuân T và 2 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án hình sự phúc thẩm số: 43/2020/HSPT ngày 29/4/2020 của TAND tỉnh Hải Dương xử phạt bị cáo 8 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/4/2020 đến ngày 01/5/2020 thì chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

2. Đoàn Văn T, sinh năm 1982 tại thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu dân cư Đ, phường H, thành phố C tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đoàn Xuân T (đã chết) và bà Trần Thị H; có vợ là Trần Thị L (đã ly hôn) và 1 con.

Tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 56/2018/HSST ngày 16/5/2018 của TAND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/01/2019.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 69/2009/HSST ngày 18/9/2009 của TAND huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh xử phạt bị cáo 36 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (nộp án phí ngày 19/5/2010, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/11/2011)

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 34/2012/HSST ngày 11/9/2012 của TAND huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 36 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (nộp án phí ngày 11/9/2012, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/6/2015)

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/4/2020 đến ngày 01/5/2020 thì chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Anh Phạm Đức A, sinh năm 1991.

Trú tại: khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. (*vắng mặt*)

2. Chị Nguyễn Thị Vượng, sinh năm 1973 và anh Phùng Văn Toàn, sinh năm 1964 (anh T ủy quyền cho chị V tham gia tố tụng)

Trú tại: khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. (*vắng mặt*)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị D, 1962.

Trú tại: khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 22/4/2020, Nguyễn Văn H gọi điện thoại rủ Đoàn Văn T đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài và được T đồng ý. Sau đó, T điều

khởi xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Dream II màu mận chín biển số 34F1 – 9418 (xe T mượn của mẹ là bà Trần Thị H, bà H không biết T sử dụng xe đi trộm cắp tài sản) từ nhà ở khu dân cư Đ, phường H, thành phố C đến nhà H ở khu dân cư Đ, phường H để đón H. H chỉ đường cho T điều khiển xe đi tìm tài sản có sơ hở để trộm cắp. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, H và T đi đến xưởng chế biến thóc ở giữa cánh đồng của anh Phạm Đức A. H quan sát thấy xưởng chế biến thóc có 01 dãy nhà cấp 4 lợp mái tôn, có tường bao quanh sân, xung quanh không có nhà dân, cổng xưởng khóa. H trèo qua bờ tường (ở vị trí gần cổng) đi vào trong khu vực sân của xưởng chế biến sau đó ra gọi T vào cùng. H nói với T vào lấy 01 lưỡi bừa xới đất bằng kim loại sắt đã qua sử dụng, được hàn từ 02 thanh sắt chữ I, loại I 120, ở phần giữa có các thanh sắt nối với đầu máy, được hàn 10 răng bừa bằng kim loại sắt dài khoảng 2,2 m của anh Phạm Đức A để tại bậc cửa trước nhà xưởng. H và T khiêng chiếc bừa xới đất qua sân nhà xưởng ra vị trí bờ tường lúc trước trèo vào rồi đẩy chiếc bừa qua bờ tường ra ngoài. Sau đó H và T trèo tường ra ngoài, khiêng chiếc bừa lên xe mô tô. T điều khiển xe mô tô, H ngồi sau giữ và chở vào nhà bà Phạm Thị D ở khu dân cư Đ, phường H (gia đình bà D làm nghề thu mua sắt vụn) để bán. Khi gặp bà D, T nói *“bạn cháu có cái này không dùng nữa muốn bán”* thì bà D trả lời: *“cô chỉ mua sắt vụn thôi”*. T và H đồng ý và thỏa thuận giá mua, bán là 5.000 đồng/kg. Sau khi cân chiếc lưỡi bừa được 70kg thì bà D trả T, H số tiền 350.000 đồng.

Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở H tiếp tục đi tìm tài sản có sơ hở để trộm cắp. Khoảng 22 giờ 50 phút cùng ngày, khi đi đến bãi đất để máy móc sản xuất nông nghiệp của gia đình chị Nguyễn Thị V ở khu dân cư ĐĐ, phường H, thấy chị V để 01 máy bơm nước (đã qua sử dụng), sử dụng loại đầu nổ 8, máy sử dụng nhiên liệu dầu diesel, khối lượng máy là 70kg, và một ổ ly tâm phi 150mm, trên ly tâm có đề chữ Phương Dung, giá đỡ có kích thước (0,8x0,5)m để ngay rìa đường không có ai trông coi. H nói với T dừng xe, rồi cả hai khiêng chiếc máy bơm nước trên đặt lên yên xe máy và tiếp tục chở đến bán cho bà Phạm Thị D. Bà D hỏi *“Sao đi bán muộn thế”*, thì T nói *“bạn cháu sáng mai đi làm sớm, đồ của nhà hỏng không dùng nữa đem bán”*. Sau khi cân chiếc máy bơm nước được 110kg thì bà D thanh toán số tiền 550.000 đồng cho T và H. Trên đường về T và H chia nhau mỗi người 450.000 đồng, số tiền này T và H đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 27/4/2020, Anh Phạm Đức A và chị Nguyễn Thị V có đơn trình báo về việc bị trộm cắp tài sản nêu trên. Ngày 28/4/2020, T và H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Chí Linh để đầu thú về hành vi trộm cắp của mình. Bà Phạm Thị D sau khi biết những tài sản đã mua của H và T do trộm cắp mà có đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra những tài sản nêu trên. Cơ quan

điều tra đã tạm giữ của Đoàn Văn T 01 mô tô nhãn hiệu Honda loại Dream II màu mận chín biển số 34F1 – 9418.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 25, ngày 29/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Chí Linh kết luận:

- 01 (một) bừa xới đất bằng kim loại sắt đã qua sử dụng, được hàn từ 02 thanh sắt chữ I, loại I120, ở phần giữa có các thanh sắt nối với đầu máy, được hàn 10 răng bừa bằng kim loại sắt, tổng khối lượng là 70kg. Tại thời điểm ngày 22/4/2020 có giá trị là: 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng).

- 01 (một) máy bơm nước (đã qua sử dụng), sử dụng loại đầu nổ 8, máy sử dụng nhiên liệu dầu diesel, khối lượng máy là 70kg, và một ổ ly tâm phi 150mm, trên ly tâm có đề chữ Phương Dung, giá đỡ có kích thước (0,8x0,5)m. Tại thời điểm ngày 22/4/2020 có giá trị là: 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản tại thời điểm ngày 22/4/2020 là: 5.500.000 đồng (*năm triệu năm trăm nghìn đồng*).

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Chí Linh đã thu giữ và trả lại cho anh Phạm Đức A 01 (một) bừa xới đất bằng kim loại sắt đã qua sử dụng và trả lại cho chị Nguyễn Thị V 01 (một) máy bơm nước đã qua sử dụng. Trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Dream II màu mận chín biển số 34F1 - 9418 cho chủ sở hữu là bà Trần Thị H.

02 chiếc điện thoại H và T sử dụng liên lạc với nhau đi trộm cắp tài sản ngày 22/4/2020, sau đó đã làm rơi mất không rõ ở đâu nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy tìm.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đức A và chị V đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác. Bà Phạm Thị D yêu cầu H và T trả lại số tiền 900.000 đồng bà bỏ ra để mua tài sản của H và T.

Tại Cáo trạng số: 59/CT-VKS-CL ngày 29/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Đoàn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và xin được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện VKSND thành phố Chí Linh giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Đoàn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều

56 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H; khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn T; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 8 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại bản án hình sự phúc thẩm số 43/2020/HSPT ngày 29/4/2020 của TAND tỉnh Hải Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 2 bản án là từ 20 tháng đến 23 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 28/4/2020.

- Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 28/4/2020.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, các Điều 127, 131, 288 của Bộ luật dân sự, buộc các bị cáo cùng liên đới hoàn trả số tiền 900.000 đồng cho bà Phạm Thị D, mỗi bị cáo có trách nhiệm trả 450.000 đồng.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh, Điều tra viên, VKSND thành phố Chí Linh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn H và Đoàn Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 22/4/2020, tại khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Văn H và Đoàn

Văn T đã lấy của gia đình anh Phạm Đức A 01 bừa xới đất bằng sắt đã qua sử dụng, được hàn từ 02 thanh sắt chữ I, loại I120 và được hàn 10 răng bừa bằng sắt, tổng khối lượng là 70kg giá trị là: 2.300.000 đồng. Sau đó khoảng 22 giờ 50 phút ngày 22/4/2020, T và H đã lấy của gia đình chị Nguyễn Thị V 01 máy bơm nước (đã qua sử dụng), sử dụng loại đầu nổ 8, máy sử dụng nhiên liệu dầu diesel, khối lượng máy là 70kg, và một ổ ly tâm phi 150mm, trên ly tâm có đề chữ Phương Dung, giá đỡ có kích thước (0,8x0,5)m có giá trị là: 3.200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn H và Đoàn Văn T trộm cắp là 5.500.000 đồng.

[3] Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi thực hiện là trái pháp luật nhưng vẫn lén lút, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu để chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị là 5.500.000 đồng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản là khách thể được pháp luật bảo vệ nên hành vi trên của các bị cáo đã phạm tội “***Trộm cắp tài sản***” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, VKSND thành phố Chí Linh truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, chuẩn bị từ trước nhưng cũng cần đánh giá về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để có căn cứ áp dụng hình phạt

Trong vụ án này, bị cáo H là người đề xuất và trực tiếp thực hiện hành vi nên giữ vai trò chính, bị cáo T giữ vai trò thực hành tích cực.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo thực hiện 2 hành vi trộm cắp tài sản mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành một tội phạm độc lập nên phải chịu tình tiết “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo T bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo ra đầu thú, bị cáo T có bố đẻ được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo T là người có nhân thân xấu, nhiều lần bị kết án và phải chấp hành án tại trại giam. Bị cáo H cũng đã bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản, tuy không coi là tiền án nhưng thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy cần thiết

cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo T tuy giữ vai trò sau nhưng có nhiều tình tiết tăng nặng hơn nên mức hình phạt sẽ ngang bằng bị cáo H.

[4] Về trách nhiệm dân sự: cơ quan điều tra đã thu hồi tài sản và trả lại cho chủ sở hữu. Các bị hại đều nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Bà Phạm Thị D yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 900.000 đồng mà đã bỏ ra mua tài sản các bị cáo trộm cắp. Vì vậy cần buộc các bị cáo phải trả lại cho bà D số tiền trên.

[5] Về hình phạt bổ sung: các bị cáo đều không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ của mình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H; khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn T.

1. Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Văn H và Đoàn Văn T phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H **15 (mười lăm)** tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 8 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại bản án hình sự phúc thẩm số 43/2020/HSPT ngày 29/4/2020 của TAND tỉnh Hải Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 2 bản án là **23 (hai mươi ba)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 28/4/2020.

3. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T **15 (mười lăm)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 28/4/2020.

4. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, các Điều 127, 131, 288, 357 và 468 của Bộ luật dân sự; Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H và Đoàn Văn T liên đới trả lại cho bà Phạm Thị D số tiền 900.000 đồng. Chia theo phần, mỗi bị cáo phải trả số tiền 450.000 đồng.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự

5. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Văn H và Đoàn Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày. Thời hạn kháng cáo của những người có mặt kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, những người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND thành phố Chí Linh;
- Công an thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Các bị cáo (qua trại giam);
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà